

UBND TỈNH HÀ GIANG
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **265** /SGTVT-VP

Hà Giang, ngày **27** tháng 3 năm 2018

V/v: Tham gia ý kiến dự thảo danh mục cắt giảm thời gian giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Hà Giang.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Thực hiện nhiệm vụ Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2018 về chuẩn hóa quy trình thực hiện thủ tục hành chính liên thông và dịch vụ công trực tuyến. Trong đó giao các Sở, ban, ngành theo lĩnh vực quản lý, xây dựng dự thảo danh mục cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính không liên thông thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã tỉnh Hà Giang trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Sở Giao thông vận tải xây dựng dự thảo danh mục cắt giảm thời gian giải quyết TTHC lĩnh vực giao thông vận tải thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Hà Giang. Để dự thảo được hoàn thiện, đảm bảo tính khả thi, chặt chẽ, đầy đủ đúng quy định, tiết kiệm và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Sở Giao thông vận tải đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tham gia ý kiến đối với dự thảo danh mục cắt giảm thời gian giải quyết TTHC.

(Gửi kèm dự thảo danh mục cắt giảm thời gian giải quyết TTHC)

Ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị đề nghị gửi bằng văn bản về Sở Giao thông vận tải và bản điện tử gửi về địa chỉ hộp thư vps.sgtvt@hagiang.gov.vn trước ngày 05/4/2018 để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VP **bt**

GIÁM ĐỐC



Hoàng Gia Long

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Hà Giang, ngày

tháng 03 năm 2018

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh mục cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính không liên thông lĩnh vực giao thông vận tải thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Hà Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước địa phương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này danh mục cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính không liên thông lĩnh vực giao thông vận tải thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Hà Giang.

Điều 2: Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành; UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Hành chính công tỉnh;
- Hệ thống Vnptioffice;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Sơn

DỰ THẢO

PHỤ LỤC
DANH MỤC CẮT GIẢM THỜI GIAN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG LIÊN THÔNG
LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ TỈNH HÀ GIANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2018 của UBND tỉnh Hà Giang)

STT	Tên TTHC	Tổng thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian cắt giảm .../ngày, đạt tỷ lệ (%)	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Đơn vị trực tiếp giải quyết	Ghi chú (lý do TTHC không cắt giảm thời gian)
A. CẤP HUYỆN						
I. Lĩnh vực Đường thủy						
1	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- 01 ngày (33%)	02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng kinh tế và hạ tầng các huyện hoặc phòng Quản lý đô thị thành phố	
2	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- 01 ngày (33%)	02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng kinh tế và hạ tầng các huyện hoặc phòng Quản lý đô thị thành phố	
3	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- 01 ngày (33%)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng kinh tế và hạ tầng các huyện hoặc phòng Quản lý đô thị thành phố	
4	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật.	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- 01 ngày (33%)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng kinh tế và hạ tầng các huyện hoặc phòng Quản lý đô thị thành phố	
5	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- 01 ngày (33%)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng kinh tế và hạ tầng các huyện hoặc phòng Quản lý đô thị thành phố	

	không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện				thành phố	
6	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- 01 ngày (33%)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng kinh tế và hạ tầng các huyện hoặc phòng Quản lý đô thị thành phố	
7	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- 01 ngày (33%)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng kinh tế và hạ tầng các huyện hoặc phòng Quản lý đô thị thành phố	
8	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- 02 ngày (67%)	01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng kinh tế và hạ tầng các huyện hoặc phòng Quản lý đô thị thành phố	
9	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- 02 ngày (67%)	01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng kinh tế và hạ tầng các huyện hoặc phòng Quản lý đô thị thành phố	
B. CẤP XÃ						
I. Lĩnh vực Đường thủy						
1	Đăng ký phương tiện lần đầu đổi với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- 01 ngày (33%)	02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn	
2	Đăng ký phương tiện lần đầu đổi với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- 01 ngày (33%)	02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn	
3	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- 01 ngày (33%)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn	

	đăng ký phương tiện thủy nội địa	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		- 01 ngày (33%)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn	
4	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		- 01 ngày (33%)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn	
5	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		- 01 ngày (33%)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn	
6	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		- 01 ngày (33%)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn	
7	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		- 01 ngày (33%)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn	
8	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		- 02 ngày (67%)	01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn	
9	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		- 02 ngày (67%)	01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn	